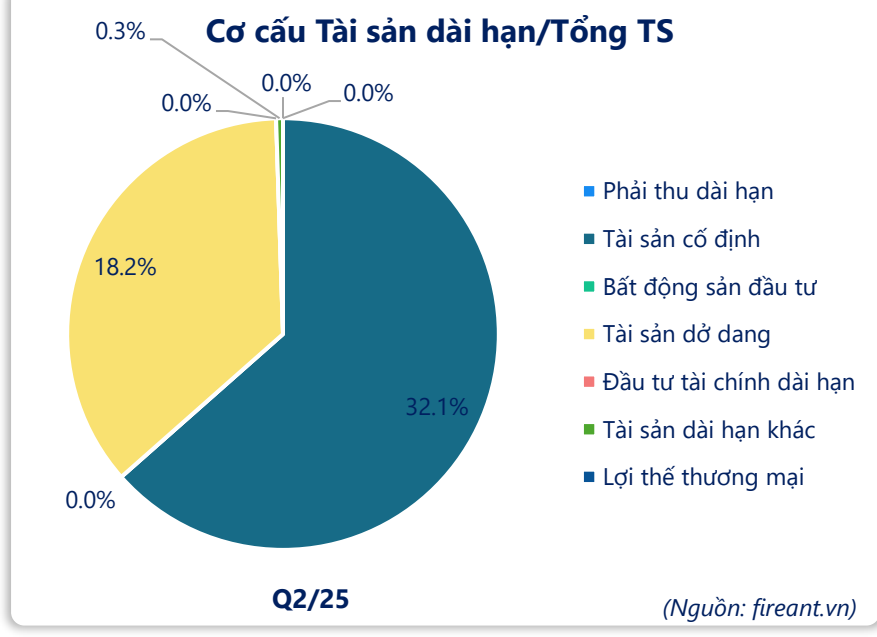
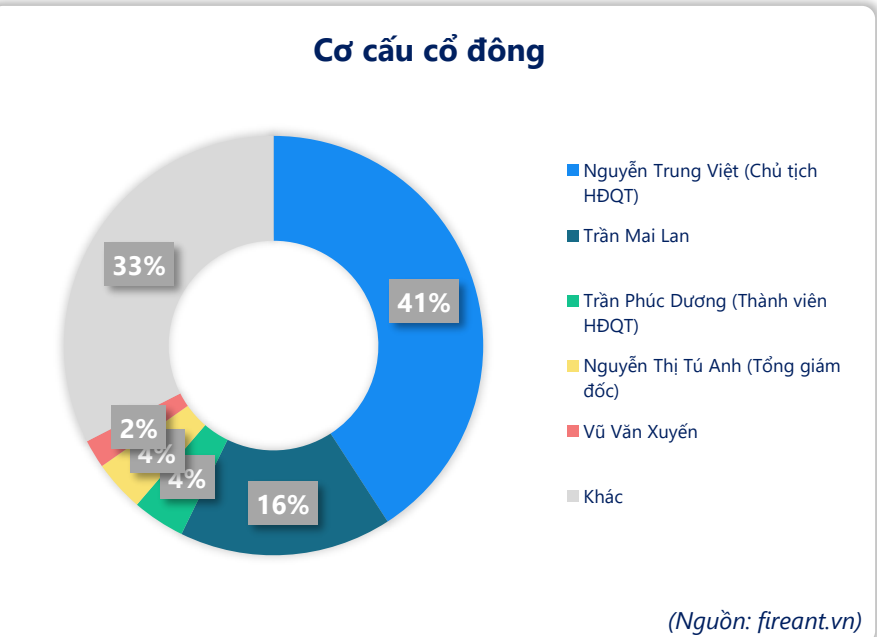
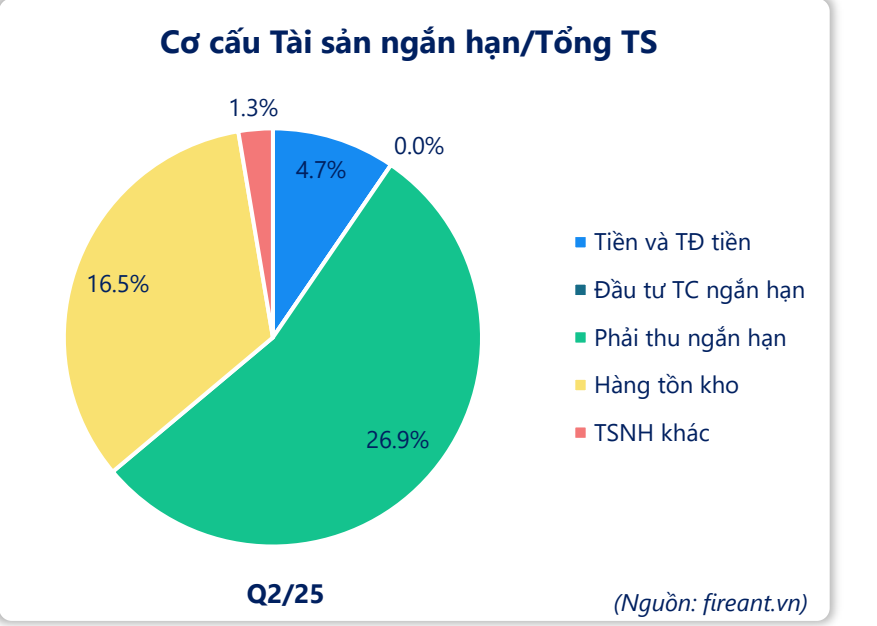
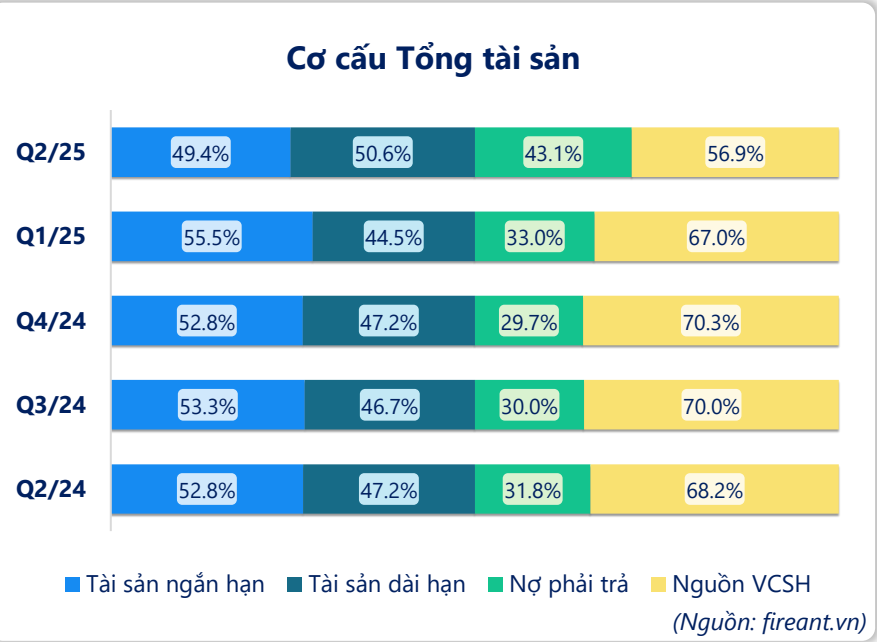
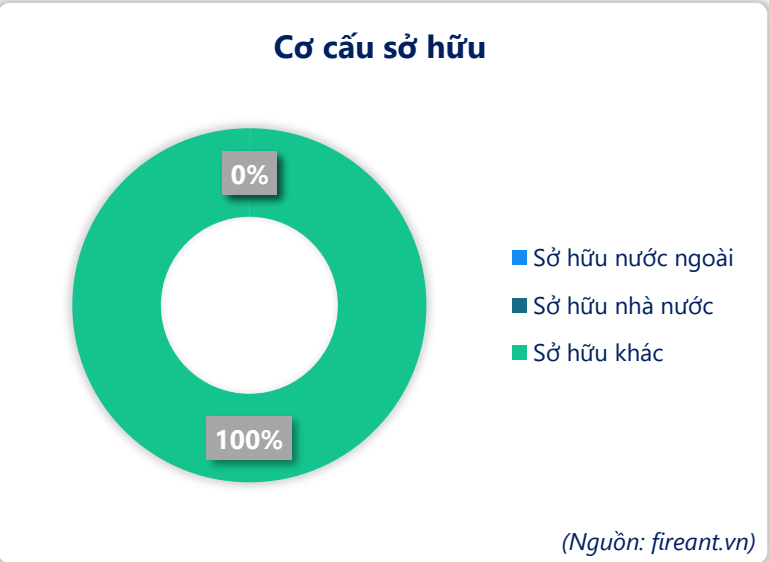
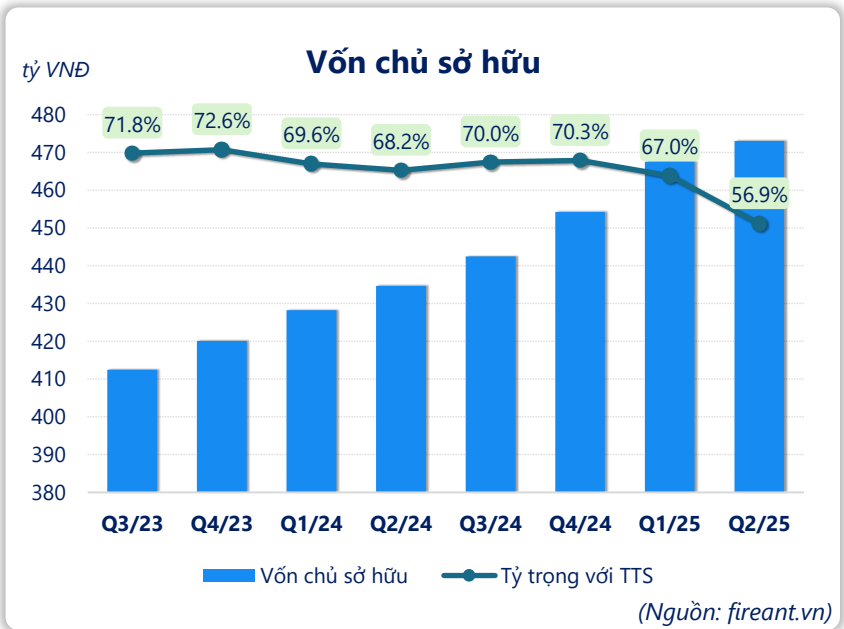
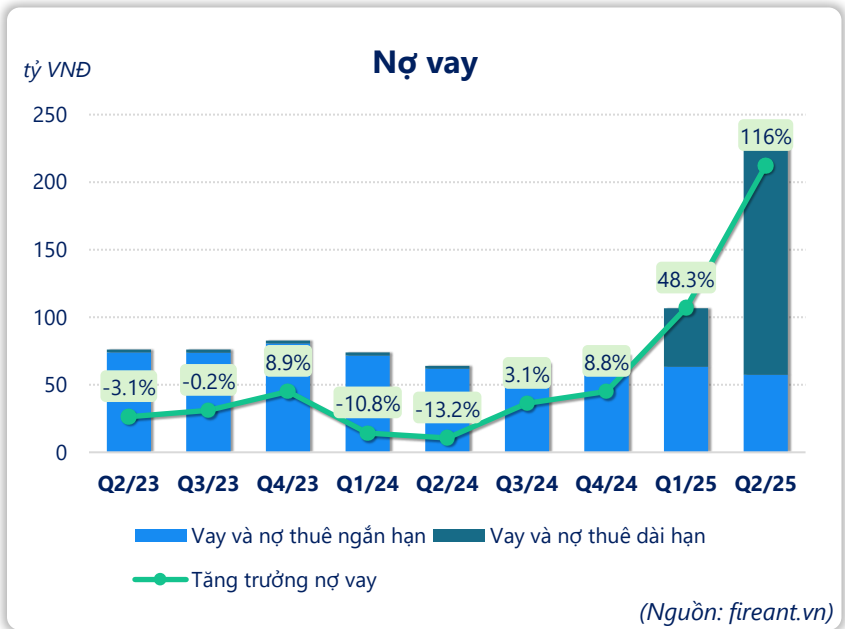
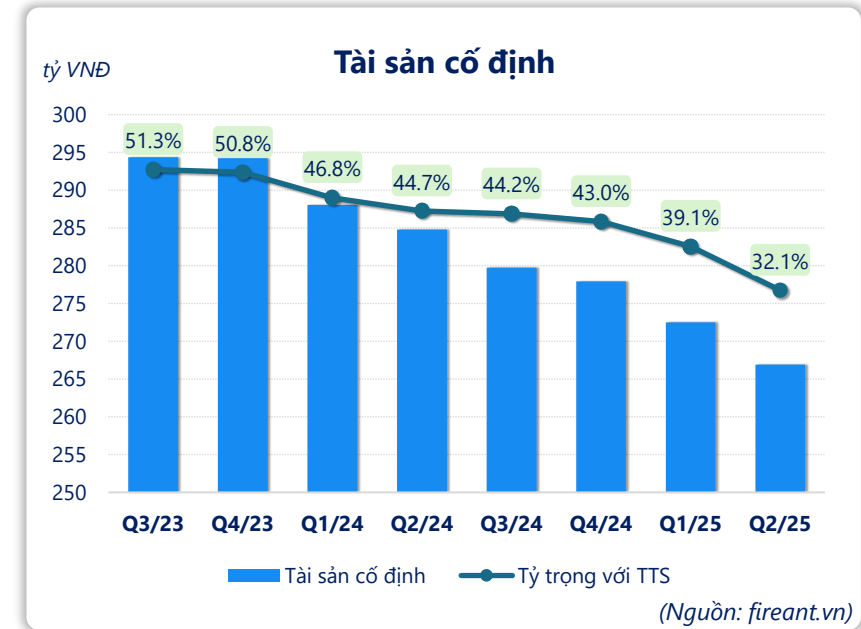
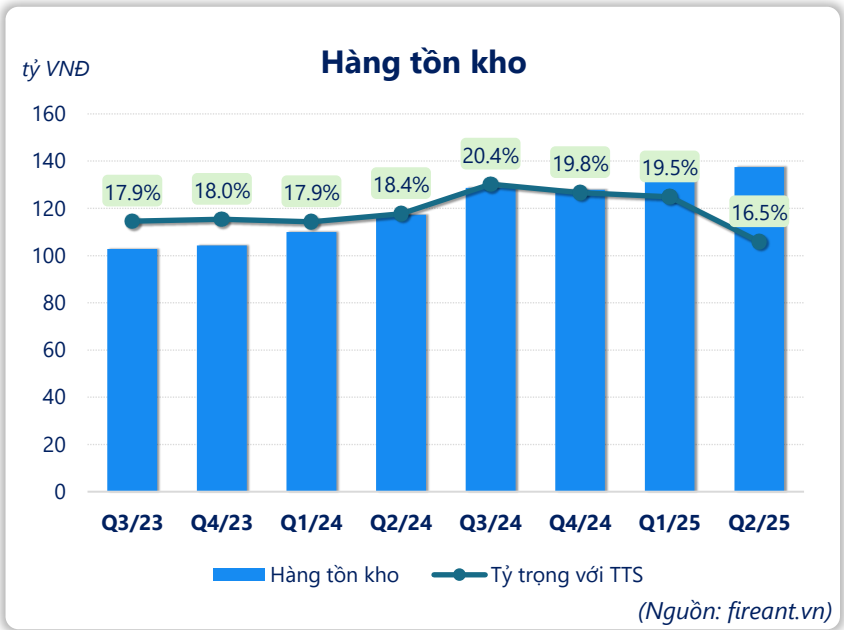
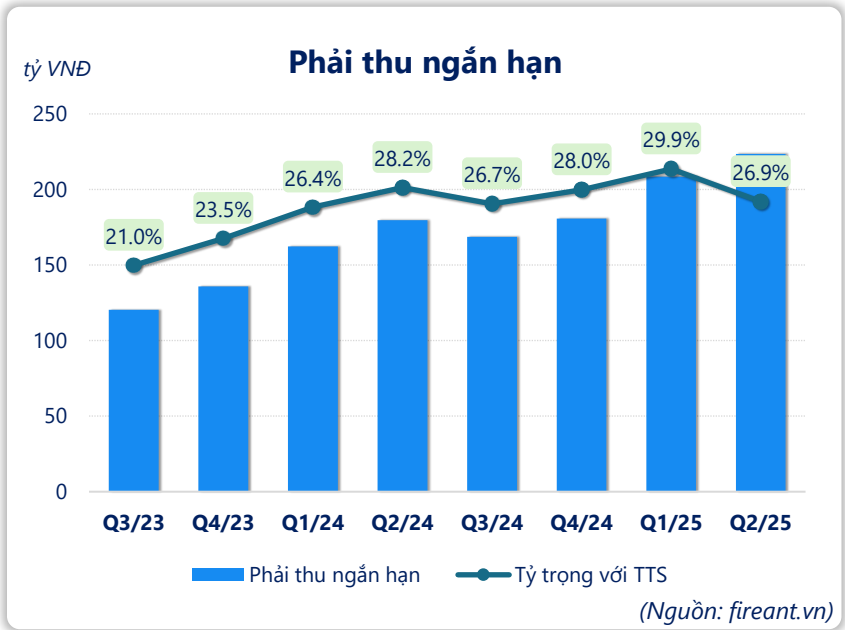
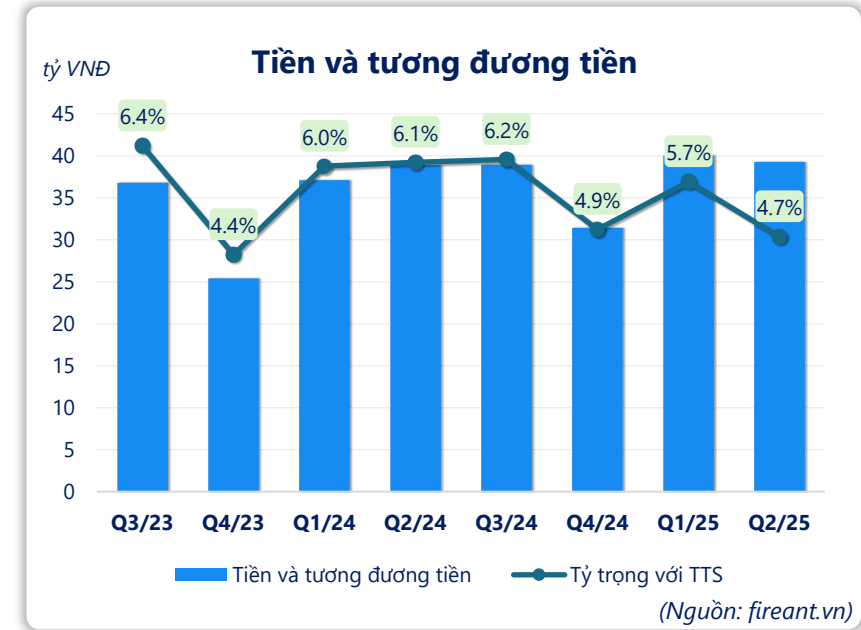
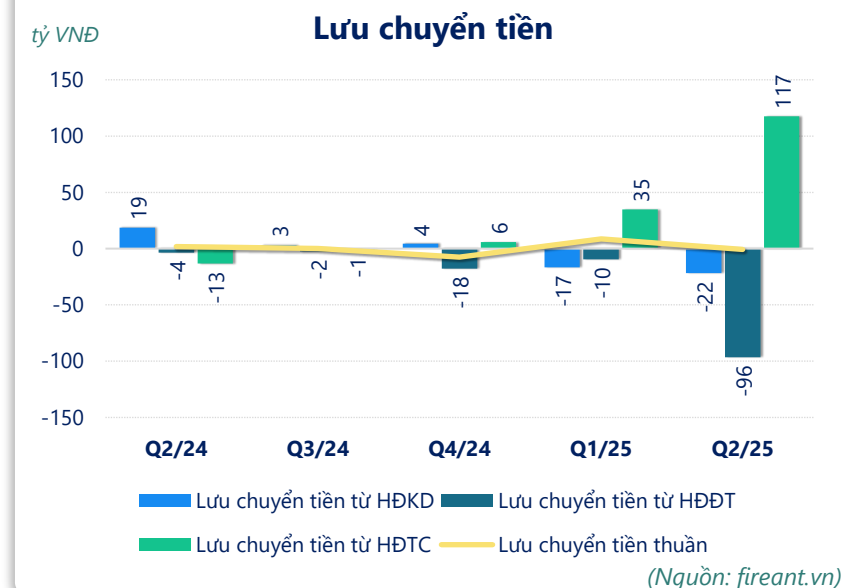
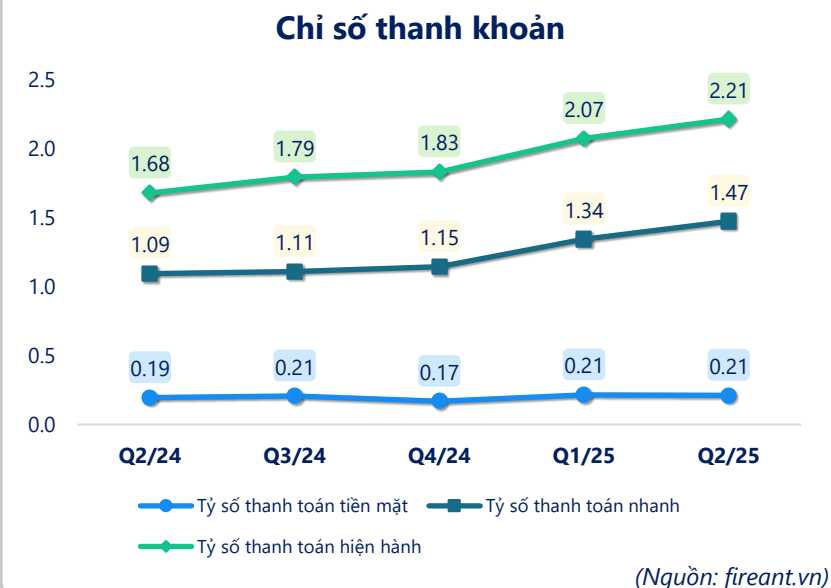
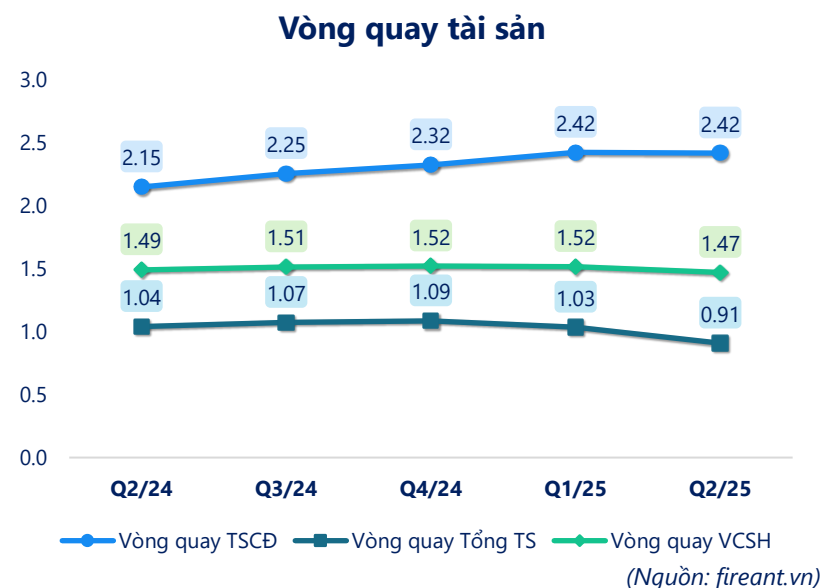
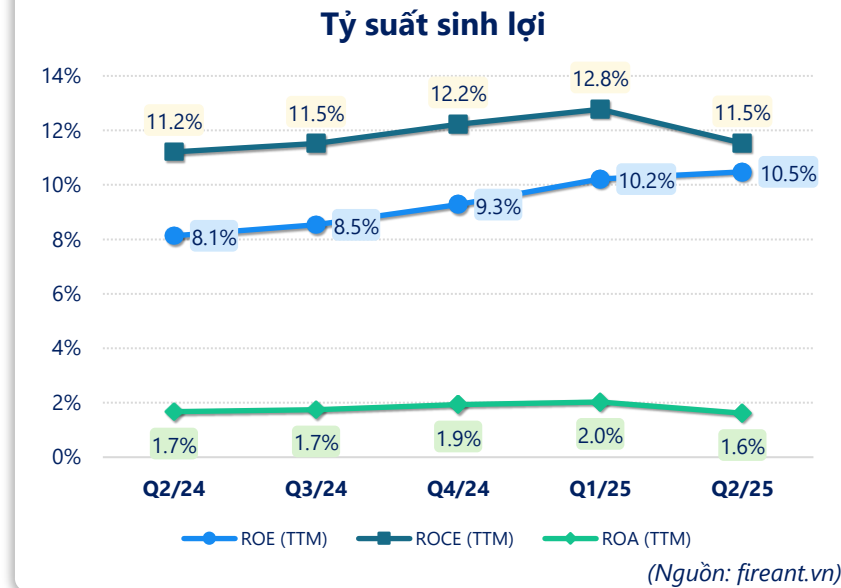
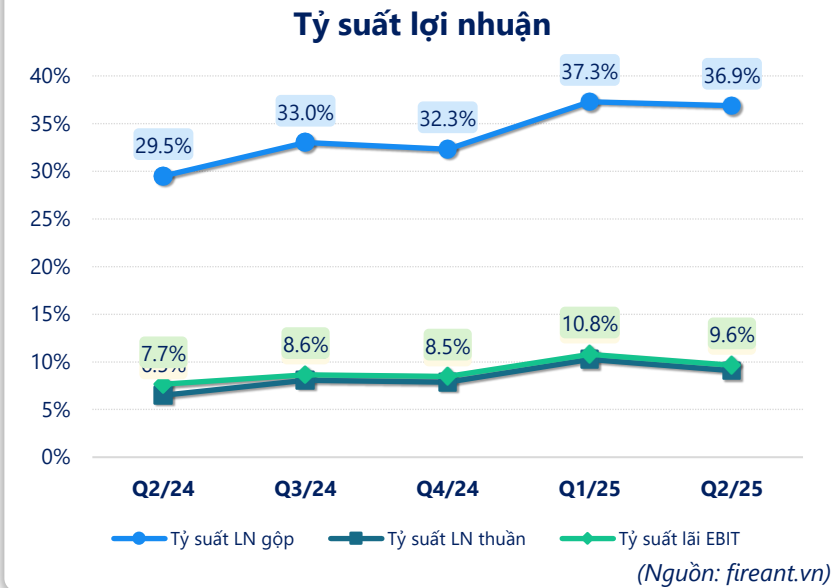
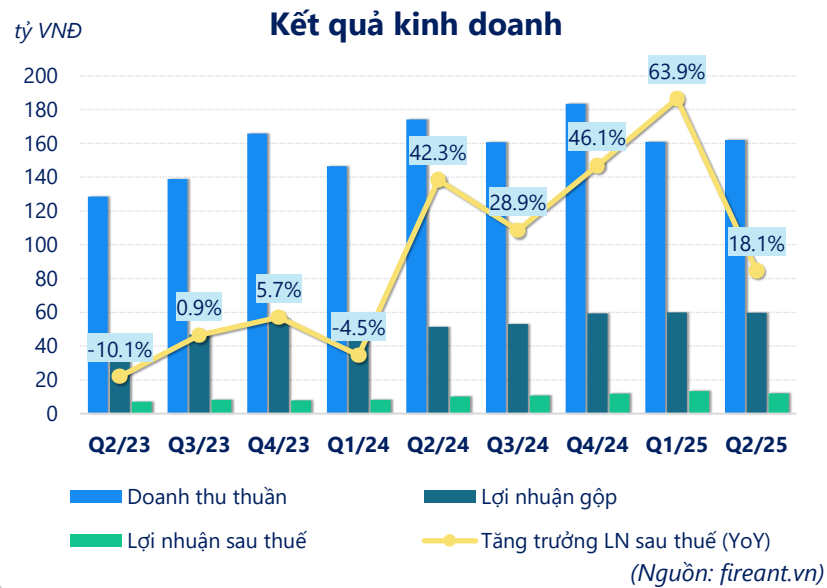


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		30,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		30,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,018
SL cổ phiếu LH		35,995,929
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,080
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,080
P/E		22.7
EPS		1,321

	YTD	1T	3T	6T
DHD	42.1%	7.1%	10.8%	36.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	832	646	28.6%
Tài sản ngắn hạn	411	341	20.5%
Tiền và tương đương tiền	39.3	31.4	25.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	223	181	23.6%
Hàng tồn kho	138	128	7.5%
Tài sản ngắn hạn khác	10.9	1.06	924%
Tài sản dài hạn	420	305	37.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	267	278	-4.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	151	24.4	520%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.15	2.87	-25.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	359	192	86.6%
Nợ ngắn hạn	186	186	-0.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	57.4	65.9	-12.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	57.3	63.9	-10.4%
Nợ dài hạn	173	6.02	2773%
Vay và nợ thuê dài hạn	173	6.00	2780%
Nguồn vốn chủ sở hữu	473	454	4.1%
Vốn chủ sở hữu	473	454	4.1%
Vốn điều lệ	360	279	28.8%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	174	161	184	161	162
Giá vốn hàng bán	123	108	124	101	102
Lợi nhuận gộp	51.4	53.0	59.3	60.0	59.8
Doanh thu HĐTC	0.09	0.11	0.37	0.16	0.43
Chi phí TC	1.49	1.48	1.35	1.44	1.44
Chi phí lãi vay	0.79	0.68	0.72	0.73	0.81
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	19.2	18.3	19.0	20.8	19.1
Chi phí QLDN	19.4	20.4	24.9	21.4	25.0
LN thuần từ HĐKD	11.3	12.9	14.4	16.5	14.7
Lợi nhuận khác	1.24	0.24	0.42	0.13	0.14
LN trước thuế	12.6	13.2	14.8	16.6	14.8
Lợi nhuận sau thuế	10.1	10.5	11.8	13.3	11.9
LNST của CĐ cty mẹ	10.1	10.5	11.8	13.3	11.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.6	3.00	4.33	-16.6	-21.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.55	-2.37	-17.7	-9.56	-96.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.3	-0.60	5.84	34.8	117
Tiền đầu kỳ	37.1	38.9	38.9	31.4	40.1
Lưu chuyển tiền thuần	1.79	0.03	-7.55	8.63	-0.77
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.04	0	0
Tiền cuối kỳ	38.9	38.9	31.4	40.1	39.3

(Nguồn: fireant.vn)